

God Entered My Room After Watching This Video!

Buddhist woman converts to Jesus after Heavenly encounter.

Phân tích triết lý vô ngã của nhà Phật

Đón nhập:

Cột trụ của Phật giáo là thuyết VÔ NGÃ. Thuyết Vô Ngã do chính Phật Thích Ca, giáo chủ của Phật giáo giảng dạy. Trong kinh Pháp Cú 20:5-7 ghi lại lời dạy của Phật Thích Ca như sau:

“Chư Hành vô thượng (Mọi sự vật bị giới hạn đều là vô thượng – luôn biến đổi)

“Chư Hành là khế (Mọi sự vật bị giới hạn đều là khế – đời sống không có sự vui thã)

“Chư Pháp vô ngã (Mọi pháp là vô ngã - “pháp” bao gồm sắc pháp tức vật lý và tâm pháp tức tâm lý)

Chữ “pháp” là một thuật ngữ độc đáo trong Phật học, nó bao gồm tất cả những gì thuộc về thế giới vật lý lẫn những gì thuộc về

thế giới tâm lý, nó bao gồm cả Niết bàn. Theo giáo lý Nguyên Thủy (Theravàda) không có Ngã trong các pháp (mọi sự vật) cũng như không có Ngã trong con người. Trong Trung Bộ Kinh, Phật Thích Ca dạy rằng:

“Hỡi các Tỳ Kheo, khi mà Ngã hay bất cứ cái gì thuộc về Ngã không có, thì quan điểm tư duy này: Vũ trụ là linh hồn, ta sẽ là linh hồn sau khi chết, sẽ trường cửu, tồn tại, vĩnh viễn bất biến, và ta sẽ hiện hữu như thế cho đến vô tận thời gian – quan điểm này có phải là hoàn toàn điên rồ chẳng?”

Từ thuyết Vô Ngã, Phật Thích Ca khai mở một chủ thuyết, và sau chủ thuyết này trở thành giáo lý cột trụ của một tôn giáo lớn gọi là Phật giáo. Hơn 2500 năm đã trôi qua kể từ ngày Phật Thích Ca rao giảng thuyết Vô Ngã, hàng tỷ người trên thế giới đã tin vào thuyết này và cố gắng “tu tập” để có thể chiêm nghiệm được cái lý lẽ của thuyết Vô Ngã. Danh

từ “Phật” dùng để gọi một người đã quán triệt Vô Ngã, thế nhập Không Tánh. Phật Thích

Ca xưng rằng Ngài là Phật đã thành còn chúng sinh là Phật sẽ thành, nhưng trên 2500 năm qua, lịch sử cho ghi nhận có mỗi một mình Ngài Thích Ca tự xưng là Phật. Nói cách khác, chỉ có mỗi một mình người lập ra thuyết Vô Ngã xưng nhận là mình đã chứng nghiệm được thuyết này.

Có phải thuyết Vô Ngã quá thâm diệu cho nên suốt hơn 2500 ngàn năm nay ngoài Phật Thích Ca ra không ai có đủ trình độ, khả năng, sự thông sáng, hoặc lòng nhiệt thành để giác ngộ? Bài viết này nhằm phân tích và so sánh thuyết Vô Ngã của triết Phật và tín lý Hữu Ngã trong Thánh Kinh. Tác giả ước mong những điều được trình bày dưới đây sẽ góp phần làm sáng tỏ sự tương phản giữa hai phạm trù nói trên.

Định nghĩa một số từ ngữ:

Ngã: Mỗi tôn giáo hoặc trường phái triết học có những định nghĩa khác nhau về Ngã, (Ngã là một danh từ Hán Việt). Một cách tổng quát, Ngã là một thực thể (một cái gì có thật), trường

tâm và là một phần của con người, là một “cái tôi” tuyệt đối riêng biệt, không ai thay thế được, là phần làm chủ và trách nhiệm mọi tư duy, tình cảm, ý chí, hành động của con người. Tiếng Phạn (Sanskrit) gọi Ngã là “Atman”, tiếng Anh gọi là “Self”, tiếng Việt gọi nôm na là “cái Tôi” hoặc “cái Ta”. Cơ-đốc-giáo (Christianity) gọi là Linh hồn (Soul). Triết Phật dạy rằng, một Ngã như vậy không có thật, mọi quan niệm về Ngã chỉ là ảo tưởng, mọi nhận thức về Ngã chỉ là ảo giác.

Nhập Không Tánh: Trạng thái quán triệt Vô Ngã dẫn đến sự quán triệt Tánh Không của mọi pháp. (Tánh Không của mọi pháp là: vạn vật, kể cả “cái Ta” không có thật, không có tự tánh, không tồn tại nên thật ra không sinh không diệt. Sự sinh và diệt mà chúng sinh kinh nghiệm mỗi ngày chỉ là sự sinh và diệt của những ảo ảnh.) Nhập Không Tánh tức đức đạo, tức nhập Niết bàn.

Niết bàn: Không phải là một nơi chốn như Thiên Đàng hay Hào Ngục mà là trạng thái giải thoát, an nhiên tự tại, nhờ thấu hiểu (giác ngộ) chân tướng của vạn vật là Không, nên chấm dứt và thoát ra ngoài mọi ý niệm, thoát mọi chấp Ngã (thoát khỏi sự cho rằng Ngã có thật), thoát mọi chấp pháp (thoát khỏi sự cho rằng mọi vật có thật, có tự tánh, có sinh, có diệt), thoát khỏi luân hồi, tức thoát vòng sinh tử.

Pháp: (1) Chư Pháp: Mọi sự vật, sự việc trong thế giới vật lý lẫn thế giới tâm lý, kể cả Niết bàn. (2) Phật pháp: Lời dạy của Phật Thích Ca. (3) Pháp môn: Phương cách tu tập để quán triệt Vô Ngã và Không Tánh. Theo Phật Thích Ca, có đến 84,000 Pháp môn. Các nhà Phật học không thống nhất với nhau về ý nghĩa của con số 84,000 pháp môn.

Dưới đây là luận giải của tác giả:

– Tứ Diệu Đế thiên biến = $(4) \times (1000) = 4000$

– Bát Chánh Đạo vạn hóa = $(8) \times (10,000) = 80,000$

– Pháp môn tu tập để Giác Ngộ =

Tứ Diệu Đế thiên biến + Bát Chánh Đạo vạn hóa ($4000 + 80,000 = 84,000$ pháp môn)

Phật: Người quán triệt, tức giác ngộ Vô Ngã (thấy và hiểu sự vận hành của mọi “pháp” như chúng vốn là như vậy, tức vạn vật chỉ là vô giác) dứt mọi ý niệm (nguyên cớ tạo ra vô giác) nên thoát vòng sinh tử (ra khỏi luân hồi), nhập Không Tánh (thoát Khổ, trừ bỏ Chân Không, đạt Niết bàn), trở thành Phật, tức Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Vô Minh: U mê, tăm tối, phát sinh ra những ý niệm không thật khiến tạo ra các vô giác (các pháp của thế gian) dẫn đến những nhận thức sai lầm, tạo ra nghiệp lực, thu hút Tứ Đại (tạo thành thân xác), giam giữ chúng sinh miệt mài luân chuyển trong 12 yếu tố của Duyên Khỏi (luân hồi). Nếu có 84,000 pháp môn gì thoát thì cũng có 84,000 cảnh giới vô minh.

– Ngũ Uẩn: Sắc, Thụ, Tư tưởng, Hành, Thức (5) X (12) Yếu tố Duyên Khỏi = 60 (sựChấp Pháp)

– Tam Độc: Tham, Sân, Si (3) X (8) Tám Thức: Nhãn, Nhĩ, Tỉ, Thiệt, Thân, Ý, Tạng Trú, Tàng = 24 (sựChấp Ngã)

– Khổ: Chấp Pháp + Chấp Ngã X thiên biến = vạn hóa (60 + 24 X 1000 = 84,000 cảnh giới)

* Khổ thiên biến mà thành ra vạn hóa: Khổ = thiên biến → vạn hóa.

* Giác Ngộ vừa thiên biến mà vừa vạn hóa: Giác Ngộ = thiên biến + vạn hóa.

Chương I: Lập luận Vô Ngã (Anatta) của triết Phật

Phật Thích Ca lập thuyết Vô Ngã dựa trên các suy luận sau đây:

A. Nhận định Duyên khởi:

Được sinh trưởng trong môi trường văn hóa của Ấn giáo, ít nhiều gì Đức Thích Ca cũng ảnh hưởng thuyết Nhân Duyên và Luân Hồi của Ấn giáo. Đối diện với cuộc sống, chứng kiến thế nhân sinh, lão, bệnh, tử – nhìn thấy vạn vật thành, trụ, hoại, diệt; Đức Thích Ca suy ra mọi sự vật đều giới hạn, tương đối và phụ thuộc lẫn nhau theo công thức sau

đây:

- 1) Cái này có thì cái kia có (vì có hạt lúa nên có cây lúa)
- 2) Cái này sinh thì cái kia sinh (vì cây lúa sinh ra hạt lúa nên từ hạt lúa lại sinh ra cây lúa khác)
- 3) Cái này không có thì cái kia không có (không có hạt lúa thì không có cây lúa)
- 4) Cái này diệt thì cái kia diệt (hạt lúa bị diệt thì cây lúa – sẽ sinh ra từ hạt lúa khác – cũng bị diệt)

Theo Tương Ứng Kinh bộ II thì 12 yếu tố Duyên Khởi trong triết Phật là:

1. Vô Minh
2. Hành
3. Thức
4. Danh Sắc
5. Lục Nhập
6. Xúc
7. Thọ
8. Ái
9. Thọ
10. Hữu
11. Sinh
12. Lão – Tử (Ưu, Bi, Khổ não)

Vô Minh sinh ra Hành, Hành sinh ra Thức, Thức sinh ra Danh Sắc, Danh Sắc sinh ra Lục Nhập, Lục Nhập sinh ra Xúc, Xúc sinh ra Thọ, Thọ sinh ra Ái, Ái sinh ra Thọ, Thọ sinh ra Hữu, Hữu sinh ra Sinh, Sinh sinh ra Lão, Tử, (Ưu, Bi, Khổ não).

Từ nhận định đó (dựa vào thuyết Nhân Duyên và Luân Hồi của Phật giáo), Đức Thích Ca

lập ra thuyết Duyên Khởi, cho rằng mọi sự vật tương quan và luân chuyển trong

một vòng tròn của luật Duyên Khởi (duyên=sinh ra, khởi=bắt đầu).

B. Phân tích Ngũ Uẩn:

Khi suy tư về bản thể của con người, Đức Thích Ca nhận thấy con người là một tổng thể bao gồm các phần thấy được, đụng chạm được và các phần không thấy được, không đụng chạm được. Đức Thích Ca phân tích con người thành Ngũ Uẩn. Uẩn là một tập hợp, một nhóm. Ngũ Uẩn (năm tập hợp) đó là:

1) Sắc Uẩn: Tức Thân + Tâm (được cấu tạo bởi Tứ Đại là đất + nước + gió + lửa), Sắc Uẩn bao gồm các Giác Quan (Căn)

2) Thọ Uẩn: Tức là những Cảm Thọ (cảm giác nhận được) do sự tiếp xúc giữa 6 Căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) và 6 Trộn (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp)

3) Tư Tưởng Uẩn: Tức là những Tư Duy phát sinh từ những Cảm Thọ, tạo ra các Khái Niệm

4) Hành Uẩn: Sự Lưu Chuyển của các Khái Niệm, biến Khái Niệm thành Hành Động.

5) Thức Uẩn: Sự Nhận Biết và Phân Biệt các Khái Niệm. Riêng Thức Uẩn chia làm 8 Thức khác nhau:

a) Nhãn Thức là sự nhận biết và phân biệt các khái niệm do mắt nhìn thấy vạn vật.

b) Nhĩ Thức là sự nhận biết và phân biệt các khái niệm do tai nghe từ vạn vật.

c) Tỷ Thức là sự nhận biết và phân biệt các khái niệm do mũi ngửi được từ vạn vật.

d) Thiệt Thức là sự nhận biết và phân biệt các khái niệm do lưỡi nếm lấy từ vạn vật.

e) Thân Thức là sự nhận biết và phân biệt các khái niệm do thân thể tiếp xúc với vạn vật.

f) Ý Thức là sự nhận biết và phân biệt các khái niệm tổng hợp

từ các khái niệm do 5 thức trên đem lại.

g) Mạt Na Thức (Manas Vijnāna) còn gọi là Ý Căn, là nơi phát sinh ra Ý Thức. Mạt Na Thức truy cập các hệ quả (hạt giống – chủng tử) của những Khái Niệm đã biến thành hành động (pháp hiện hành) vào Tầng Thức và từng đưa các hệ quả đã nhuần thắm, chín mùi ra hiện hành, nên còn được gọi là Tầng Truy cập Thức. Mạt Na Thức khiến chúng sinh nhìn thấy một ảo giác vô Ngã, là gốc của sự Chấp Ngã, là nguồn gốc của 4 phiền não căn bản:

- Ngã Si (sự vô minh, u mê, ngu tối vô bản ngã)
- Ngã Ái (sự yêu thương quyến luyến bản ngã)
- Ngã Kiềm (sự nhìn thấy những sai lầm của bản ngã)
- Ngã Mạn (sự kiêu căng, ngạo mạn cho bản ngã là cao cấp hơn hết)

Tương truy cập Phật Thích Ca nói câu sau đây: “Thiên Thượng Địa Hạ Duy Ngã Độc Tôn”.

Nhiều người giải luận câu này cho rằng Phật Thích Ca có ý tuyên bố rằng: “Trên TrDi Dưới Đt Ch Mình Ta (Phật Thích Ca) Đáng Tôn Quý”. Thật ra, nếu quả thật Phật Thích Ca có tuyên bố câu này, thì chắc là nhằm kiên định cái thuyết Vô Ngã mà thôi. Ý của câu

đó có thể giải luận như sau: “Khắp vũ trụ (trên trời dưới đt) chỉ có cái NGÃ của chúng sinh là được chúng sinh tôn làm cao cấp hơn hết (mặc dù cái Ngã không có thực).

h) A Lại Da Thức (Alaya Vijnāna) còn gọi là Tầng Thức. Thức này bao gồm 3 chức năng:

– Năng Tầng: Chức năng chứa đựng, gìn giữ các chủng tử (hạt giống) của các pháp, tức chứa đựng những hệ quả của các hành động yhiện cũng như ác của chúng sinh.

– S Tầng: Chức năng tiếp nhận, nhuần thắm những chủng tử được chứa trong Tầng Thức. Khi đã nhuần thắm, chín mùi thì các chủng tử này được Tầng Truy cập Thức từng đưa ra thành hành động.

– Ngã Ái Cháp Tàng: Chức năng duy trì một □o giác v□ cái Ngã (Cháp Ngã), yêu thương cái Ngã, độc tôn cái Ngã, và đó chính là lực lượng qui tụ Tứ Đại đ□ k□t thành thân xác chúng sinh.

C. Suy luận Tánh Không:

Triết Phật không công nhận “Nguyên Nhân Đ□u Tiên”. Triết Phật cho rằng duyên khởi là vì Vô Minh (u mê, ngu t□i). Vì u mê, ngu t□i cho nên chúng sinh mới tư□ng các pháp (vạn vật) là có thật, tức Cháp Pháp. Vì Cháp Pháp (cho rằng vạn vật là có thật) nên chúng sinh tư□ng rằng m□i pháp đ□u có tự tính, đ□n đ□n Cháp Ngã (cho rằng m□i con người có một b□n ngã, còn gọi là “cái Tôi”, “cái Ta”, hoặc Linh H□n.)

Ví như một lữ hành trong sa mạc nóng cháy, khao khát tìm được nước u□ng. Đ□n một

lúc nào đó, sự khao khát nước u□ng cho cơ th□ thi□u nước khi□n cho người đó bị □o giác th□y một vũng nước hay một □c đ□o giữa sa mạc:

1. Vũng nước hay □c đ□o có hình □nh hiện ra nhưng không có thật (s□c tức thị không: tư□ng là có mà thật ra không có).

2. Vũng nước hay □c đ□o tuy không có thật nhưng v□n có hình □nh hiện ra (không tức thị s□c: dù là ch□ng có thật nhưng v□n hiện ra như có thật).

3. Sự khao khát nước u□ng, bóng mát làm cho người lữ hành nhìn th□y □o □nh c□a vũng nước hoặc □c đ□o mà tư□ng là nó có thật (vô minh khi□n chúng sinh tùy theo các ý niệm mà nhìn th□y những hình □nh [Danh S□c] c□a vạn vật [các Pháp] và tư□ng các pháp là có thật, tức Cháp Pháp).

4. Cái mệt mỏi, khát nước c□a th□ xác khi□n cho người lữ hành ý thức rằng: “Tôi mệt”, “Tôi khát”, “Tôi c□n u□ng nước”, “Tôi c□n nghĩ ngơi trong bóng mát” ... nhưng bóng mát không có thật, nước u□ng không có thật nên không tho□ mãn được nhu c□u, sinh ra Kh□.

(Vô minh khi□n chúng sinh vì Cháp Ngã – tư□ng mình là có thật,

mà sinh ra

Chấp Pháp – tư tưởng các pháp là có thật. Ví như người lữ hành tư tưởng là thối xác mình có thật, cho rằng sa mạc có thật, mặt trời có thật, vũng nước có thật, cốc đồ có thật nên đau khổ vì cát nóng, nóng cháy, vì thân thối bị mất nước, vì thêm được uống nước nhưng vũng nước không có thật, vì thêm được núp bóng mát nhưng cốc đồ không có thật.)

D. Lập thuyết Vô Ngã:

Sự luận giải về thuyết Vô Ngã của triết Phật có thể tóm tắt như sau: Từ vô lượng kiếp, chúng sinh quay cuồng trong vòng luân hồi sinh tử, bởi vì trong một lúc nào đó, ở thời quá khứ vô cùng khỉ (có thể độn hàng tử tử năm vô trước!) vì u mê, ngu tối (Vô Minh) mà chúng sinh phát khởi các ý niệm hoặc thiện hoặc ác (Hành). Những ý niệm này hình thành các khái niệm (Thức). Các khái niệm tạo ra những hiện tượng tâm lý và vật lý tức là tạo nên vạn vật (Danh Sắc). Tạo nên khiên sinh ra các giác quan và ý thức (Lục Nhập). Các giác quan và ý thức phát sinh ra sự đụng chạm và tiếp xúc (Xúc). Sự đụng chạm và tiếp xúc đem lại cảm giác và nhận định (Thị). Cảm giác và nhận định sinh ra sự ham muốn (Ái). Sự ham muốn tạo thành ý chí bám víu, giữ lấy (Thị). Ý chí bám víu, giữ lấy kết tinh thành thực thể (Hữu). Thực thể trở thành sự sống (Sinh). Sự sống suy tàn rồi tiêu tan dần dần già cỗi và sự chết (Lão – Tử), cùng những lo, buồn, đau đớn. Chu trình này sẽ tái diễn dần vô lượng lần, mỗi lần là một kiếp, trong tương lai vô cùng tận.

Trong chu trình Duyên Khởi (12 yếu tố kể trên) mỗi yếu tố vừa là nhân của yếu tố này mà

là quả của yếu tố kia. Tùy theo những ý niệm phát sinh mà Tứ Đại (đất, nước, gió, lửa) kết thành thân xác của chúng sinh. Thân Tứ Đại sinh ra khi hội đủ Pháp hiện hành và chết đi khi Pháp hiện hành đã hết, đó là một kiếp của chúng sinh. Tuy nhiên, trong một kiếp đó sự luân chuyển, thế hiện của các Pháp hiện hành đã tạo ra các nhân thiện hoặc ác khác (Chánh Nghiệp) và được Nghiệp Truyền Thức đem cất giữ vào Tầng Thức. Khi những

chúng ta này đã được thêm nhuần trong Tầng Thức thì Tầng Truy Thức phóng chúng ra thành các Pháp Hiện Hành mới, thu hút Tứ Đại, tạo ra một thân xác mới. Tiến trình này được gọi là Nghiệp Lực. Nghiệp lực cứ khiến cho chúng sinh quay cuồng trong chu trình bất tận của Duyên Khởi nghĩa là chúng sinh có thể trôi qua vô lượng kiếp!

Trong 12 yếu tố của Duyên Khởi, nếu phá được Vô Minh thì diệt được Hành. Hành không có thì diệt được Thức. Thức không có thì diệt được Danh Sắc. Danh Sắc không có thì diệt được Lục Nhập. Lục Nhập không có thì diệt được Xúc. Xúc không có thì diệt được Thọ. Thọ không có thì diệt được Ái. Ái không có thì diệt được Thọ. Thọ không có thì diệt được Hữu. Hữu không có thì diệt được Sinh. Sinh không có thì diệt được Lão, Tử, Ưu, Bi, Khổ não.

Làm sao để phá được Vô Minh? Bằng cách quán triệt chân tướng của sự vật (các pháp) chứ là KHÔNG! Như vậy, muốn thoát khổ (được giải thoát) con người cần phải quán triệt Chân Tướng của sự vật, của chính mình. Khi quán triệt Chân Tướng của sự vật, của chính mình, thì sẽ Giác Ngộ, nghĩa là nhận ra vạn vật, trong đó có mình, chứ là

không giác, không có thật. Có thể nói như sau: Những gì tôi nhận thấy chung quanh tôi hoặc về chính tôi chứ là không giác. Tại tôi tưởng là chúng có thật cho nên có cái tôi yêu thích, có cái tôi ghét bỏ, có cái tôi khao khát, có cái tôi tìm cầu, có cái tôi muốn nắm giữ, có cái tôi muốn vứt bỏ... và khi không thỏa mãn được ý mình thì tôi khổ. Cho đến lúc tôi nhận ra, vạn vật, trong đó có tôi, đều không có thật, đều Vô Ngã, thì tôi hết khổ, tôi nhập Niết bàn.

UY QUYỀN CỦA NGƯỜI CHỒNG (Bài số 29)

BÀI VIẾT TẶNG TRƯỞNG TÂM LINH NGƯỜI LÃNH ĐẠO THUỘC LINH:

UY QUYỀN CỦA NGƯỜI CHỒNG (Bài số 29)

(sưu tập)

Trong Ê-phê-sô chương 5 Kinh thánh nói rằng người vợ phải phục dưới uy quyền của chồng mình trong mọi sự (câu 24) cũng như Hội thánh phục dưới Đấng Christ.